Bat Nha Tam Kinh

Kinh Bát Nhã — bản ngắn

Bat Nha Tam Kinh

Vietnamese, with Unicode Times font

Bát Nhã Ba La Mật ĐaTâm Kinh Bình Anson

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (Prajnaparamitahridaya Sutra) là một trong các kinh căn bản và phổ thông của Phật Giáo Đại Thừa. Bài kinh nầy là một trong các bài kinh của bộ Bát Nhã kết tập tại Ấn Độ qua bảy thế kỷ, từ năm 100 T.C.N. đến 600 C.N. Khi được truyền sang Trung Hoa, Tâm Kinh đã được nhiều vị cao tăng chuyển dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán: ngài Cưu Ma La Thập dịch vào khoảng năm 402-412 C.N., ngài Huyền Trang dịch năm 649 C.N., ngài Nghĩa Huyền (700 C.N.), ngài Pháp Nguyệt (732 C.N.), ngài Bát Nhã và Lợi Ngôn (790 C.N.), ngài Trí Tuệ Luận (850 C.N.), ngài Pháp Thành (856 C.N.) và ngài Thi Hộ (980 C.N.). Trong các bản dịch nầy, bản dịch của ngài Huyền Trang là phổ thông nhất.

Riêng tại Việt Nam, bản dịch của ngài Huyền Trang được chuyển sang chữ quốc ngữ Hán Việt và thường dùng để trì tụng hằng ngày. Quý vị cao tăng cũng có phát hành nhiều sách để giải thích nghĩa kinh, trong đó các sách của quý Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Thích Thanh Từ, và Thích Nhất Hạnh là phổ thông nhất.

Sau đây là một số bài dịch Việt-Anh của Tâm Kinh mà tôi đã sưu tầm trong thời gian qua.

-ooOoo-

Bản tụng Hán Việt:

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ tưởng hành thức diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử, thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Thị cố không trung vô sắc, vô thọ tưởng hành thức.

Vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, vô sắc thanh hương vị xúc pháp, vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới.

Vô vô minh, diệc vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận.

Vô khổ, tập, diệt, đạo.

Vô trí diệc vô đắc, dĩ vô sở đắc cố.

Bồ đề tát đõa y Bát nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn.

Tam thế chư Phật, y Bát nhã Ba la mật đa cố, đắc A nậu đa la Tam miệu Tam bồ đề.

Cố tri Bát nhã Ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư.

Cố thuyết Bát nhã Ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.

-ooOoo-

Bản dịch nghĩa:

Ngài Bồ Tát Quán Tự Tại khi thực hành thâm sâu về trí tuệ Bát Nhã Ba la mật, thì soi thấy năm uẩn đều là không, do đó vượt qua mọi khổ đau ách nạn.

Nầy Xá Lợi Tử, sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc, sắc chính là không, không chính là sắc, thọ tưởng hành thức cũng đều như thế.

Nầy Xá Lợi Tử, tướng không của các pháp ấy chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, chẳng thêm chẳng bớt.

Cho nên trong cái không đó, nó không có sắc, không thọ tưởng hành thức.

Không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý. Không có sắc, thanh, hương vị, xúc pháp. Không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới.

Không có vô minh,mà cũng không có hết vô minh. Không có già chết, mà cũng không có hết già chết.

Không có khổ, tập, diệt, đạo.

Không có trí cũng không có đắc, vì không có sở đắc.

Khi vị Bồ Tát nương tựa vào trí tuệ Bát Nhã nầy thì tâm không còn chướng ngại, vì tâm không chướng ngại nên không còn sợ hãi, xa lìa được cái điên đảo mộng tưởng, đạt cứu cánh Niết Bàn.

Các vị Phật ba đời vì nương theo trí tuệ Bát Nhã nầy mà đắc quả vô thượng, chánh đẳng chánh giác.

Cho nên phải biết rằng Bát nhã Ba la mật đa là đại thần chú, là đại minh chú, là chú vô thượng, là chú cao cấp nhất, luôn trừ các khổ não, chân thật không hư dối.

Cho nên khi nói đến Bát nhã Ba la mật đa, tức là phải nói câu chú:

Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.

(Qua rồi qua rồi, qua bên kia rồi, tất cả qua bên kia rồi, giác ngộ rồi đó!)

-ooOoo-

Bản phổ thơ:

(Thích Nhất Hạnh)

Bồ Tát Quán Tự Tại

Khi quán chiếu thâm sâu

Bát Nhã Ba La Mật

(tức Diệu Pháp Trí Độ)

Bổng soi thấy năm uẩn

Đều không có tự tánh

Thực chứng điều ấy xong

Ngài vượt thoát tất cả

Mọi khổ đau ách nạn.

Nghe đây Xá Lợi Tử:

Sắc chẳng khác gì không

Không chẳng khác gì sắc

Sắc chính thực là không

Không chính thực là sắc

Còn lại bốn uẩn kia

Cũng đều như vậy cả.

Xá Lợi Tử nghe đây:

Thể mọi pháp đều không

Không sanh cũng không diệt

Không nhơ cũng không sạch

Không thêm cũng không bớt

Cho nên trong tánh không

Không có sắc, thọ, tưởng

Cũng không có hành thức

Không có nhãn, nhĩ, tỷ

Thiệt, thân, ý (sáu căn)

Không có sắc, thanh, hương

Vị, xúc, pháp (sáu trần)

Không có mười tám giới

Từ nhãn đến ý thức

Không hề có vô minh

Không có hết vô minh

Cho đến không lão tử

Cũng không hết lão tử

Không khổ, tập, diệt, đạo

Không trí cũng không đắc

Vì không có sở đắc

Khi một vị Bồ Tát

Nương Diệu Pháp Trí Độ

(Bát Nhã Ba La Mật)

Thì tâm không chướng ngại

Vì tâm không chướng ngại

Nên không có sợ hãi

Xa lià mọi vọng tưởng

Xa lìa mọi điên đảo

Đạt Niết Bàn tuyệt đối

Chư Bụt trong ba đời

Y Diệu Pháp Trí Độ

Bát Nhã Ba La Mật

Nên đắc vô thượng giác

Vậy nên phải biết rằng

Bát Nhã Ba La Mật

Là linh chú đại thần

Là linh chú đại minh

Là linh chú vô thượng

Là linh chú tuyệt đỉnh

Là chân lý bất vọng

Có năng lực tiêu trừ

Tất cả mọi khổ nạn

Cho nên tôi muốn thuyết

Câu thần chú Trí Độ

Bát Nhã Ba La Mật

Nói xong đức Bồ Tát

Liền đọc thần chú rằng:

Yết đế, Yết đế

Ba la Yết đế

Ba la Tăng yết đế

Bồ đề tát bà ha

-ooOoo-

Phổ thơ lục bát:

(Đây là một bài phổ thơ mà tôi học được từ một vị tu sĩ thuộc hệ phái Khất Sĩ)

Khi hành Bát Nhã Ba La

Ngài Quán Tự Tại soi ra tột cùng

Thấy ra năm uẩn đều Không

Bao nhiêu khổ ách khốn cùng độ qua

Nầy Xá Lợi Tử xét ra

Không là sắc đó, sắc là không đây

Sắc cùng không chẳng khác sai

Không cùng sắc vẫn sánh tài như nhau

Thọ, tưởng, hành, thức uẩn nào,

Cũng như sắc uẩn ,một màu không không

Nầy Xá Lợi Tử ghi lòng

Không không tướng ấy, đều không tướng hình

Không tăng giảm, không trược thanh

Cũng không diệt, cũng không sanh pháp đồng

Vậy nên trong cái chơn không

Vốn không năm uẩn, cũng không sáu trần

Mắt, tai, mũi, lưỡi, ý, thân

Vị, hương, xúc, pháp, cùng phần sắc, thinh

Từ không giới hạn mắt nhìn

Đến không ý thức, vô minh cũng đồng

Hết vô minh, cũng vẫn không

Hết già, hết chết, cũng không có gì

Không khổ, tập, diệt, đạo kia

Trí huệ chứng đắc cũng là không không

Sở thành, sở đắc bởi không

Các vì Bồ Tát nương tùng huệ năng

Tâm không còn chút ngại ngăn

Nên không còn chút băng khoăng sợ gì

Đảo điên mộng tưởng xa lìa

Niết Bàn mới đến bên kia bến bờ

Ba đời chư Phật sau, xưa

Đắc thành Chánh Giác cũng nhờ huệ năng

Trí huệ năng lực vô ngần

Đại Minh vô thượng, Đại Thần cao siêu

Trí huệ năng lực có nhiều

Thật là thần chú trừ tiêu não phiền

Trí huệ năng lực vô biên

Dẫn đường giải thoát qua bên giác ngàn

Liền theo lời chú thuyết rằng:

Độ tha giác ngộ khắp trần chúng sanh.

Yết đế, yết đế

Ba la yết đế

Ba la tăng yết đế

Bồ đề Tát bà ha

-ooOoo-

Bản dịch Việt:

(Thích Tâm Thiện, Sài Gòn, 1998)

Kinh Trái Tim Tuệ Giác Vô Thượng

1. Khi tiến sâu vào nguồn mạch của Tuệ giác vô thượng (1), Người Tỉnh Thức Bình Yên (2) soi sáng như thật rằng tự tịnh của năm hợp thể (3) đều là Không (4), liền thoát ly mọi khổ ách.

2. Này người con dòng Sari (5), hình thể chẳng khác chân không, chân không chẳng khác hình thể. Hình thể là chân không, chân không là hình thể. Cảm xúc (6), niệm tự (7) và tư duy (8) và ý thức (9) đều là như vậy.

3. Này người con dòng Sari, tất cả hiện hữu được biểu thị là Không, nó không sanh, không diệt, không nhơ, không sạch, không tăng, không giảm.

4. Vì thế, này người con dòng Sari, trong Không không có hình thể, không có cảm xúc, không có niệm lự, không có tư duy, không có ý thức (10); không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; không có hình thể, âm thanh, hương khí, mùi vị, xúc chạm (11) và hiện hữu (12). Không có đối đượng của mắt, cho đến không có đối tượng của ý thức; không có minh, không có vô minh (13), không có sự chấm dứt của minh, cũng không có sự chấm dứt của vô minh; cho đến, không có tuổi già và sự chết, cũng không có sự chấm dứt của tuổi già và sự chết; không có khổ đau, không có nguyên nhân của khổ đau, không có sự chấm dứt khổ đau và không có con đuường đưa đến sự chấm dứt khổ đau (14); không có tri giác (15) cũng không có sự thành tựu tri giác, vì chăng có quả vị của tri giác nào để thành tựu.

5. Người Tỉnh Thức Bình Yên, do sống an lành trong Tuệ giác vô thượng mà thoát ly tất cả chướng ngại. Và rằng, vì không có những chướng ngại trong tâm nên không có sợ hãi và xa rời những cuồng si mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn.

6. Tất cả chư Phật trong ba đời (16) đều nương tựa vào Tuệ giác vô thượng mà thành tựu (17) chánh giác.

7. Vì thế, nên biết rằng Tuệ giác vô thượng là sức thần (18) kỳ vĩ, là sức thần của trí tuệ vĩ đại, là sức thần cao tuyệt, là sức thần tối hậu, vô song, có thể trừ diệt tất cả khổ đau. Sức thần thoắt sinh từ Tuệ giác vô thượng này là sự thật, là chân lý. Sức thần có năng lực tối thượng đó được tuyên nói trong kinh Trái Tim Tuệ Giác Vô Thượng rằng:

"Đi qua, đi qua

Đi qua bờ bên kia,

Đã đi qua đến bờ bên kia, reo vui!"

Chú thích:

(1) Trí tuệ Bát nhã (Prajnàpàramità).

(2) Dịch từ "Quán Tự Tại" theo cách chiết tự.

(3) Năm tổ hợp hay năm uẩn (skandhas).

(4) Vô tự tính hay bản tính Không (Sunyata).

(5) Mẹ của Sariputa là người rất thông minh nên có hiệu là Sari. Trung Hoa dịch chữ Sariputa là Xá Lợi tử, nghĩa là, đứa con dòng Xá Lợi (Sari). Do đó, tác giả dịch là Người con dòng Sari, lối dịch này đã được sử dụng trong bản dịch "Kinh Ruột Tuệ Giác Siêu Việt" của Thi Vũ, do HT. Trí Quang giới thiệu, xuất bản năm 1973, tại Paris.

(6) Thọ uẩn

(7) Tưởng uẩn

(8) Hành uẩn

(9) Thức uẩn

Bốn uẩn (hợp thể) này thuộc về tâm lý, sắc uẩn (hợp thể vật chất) thuộc về vật lý.

(10) Sắc, thọ, tưởng, hành, thức (5 uẩn).

(11) Xúc (trong sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

(12) Hiện hữu đọc được dùng đồng nghĩa với pháp (dharma).

(13) Vô minh (ignorance), nguồn gốc của sự khổ đau.

(14) Tứ đế (Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế).

(15) Tri giác (dịch từ Vô tri diệc vô đắc).

(16) Ba đời: quá lhứ, hiện tại, vị lai.

(17) Thành tựu ở đây có nghĩa là đã giải thoát khỏi thế giới nhị nguyên, không còn phân biệt, đối đãi nhân-pháp, hữu-vô v.v...

(18) Còn được dịch là linh ngữ hay thần chú (mantra).

-ooOoo-

Bản phổ thơ Anh ngữ:

(cung cấp bởi: Laurence Cox - lcox@alf2.tcd.ie , Trinity College, Dublin, Ireland)

THE HEART SUTRA

The Bodhisattva of Compassion,

when he meditated deeply,

saw the emptiness of all five skandhas

and sundered the bonds that caused him suffering.

Here then,

form is no other than emptiness,

emptiness no other than form.

Form is only emptiness,

emptiness only form.
Feeling, thought and choice,
consciousness itself,
are the same as this.
All things are the primal void,
which is not born or destroyed,
nor is it stained or pure,
nor does it wax or wane.
So, in emptiness, no form,
no feeling, thought or choice,
nor is there consciousness.
No eye, ear, nose, tongue, body, mind.
No colour, sound, smell,
taste, touch or what the mind takes hold of,
nor even act of sensing.
No ignorance nor all that comes of it,
no withering, no death,
no end of them.
Nor is there pain, or cause of pain,
or cease in pain,
or noble path to lead from pain,
nor even wisdom to attain.
Attainment too is emptiness!
So know that the Bodhisattva,
holding to nothing whatever
but dwelling in prajna wisdom,
is freed from delusive hindrance,
rid of the fears bred by it,
and reaches clearest Nirvana.
All Buddhas of past and present,

Buddhas of future time,

Using this prajna wisdom

Attain full and perfect enlightenment.

Hear then the great dharani,

the radiant peerless mantra,

the prajnaparamita

whose words allay all pain,

hear and believe its truth!

Gate Gate Paragate Parasamgate Bodhi Svaha

-ooOoo-

Bản dịch Anh ngữ:

(cung cấp bởi: Raja Hornstein, devaraja@well.com)

GREAT WISDOM BEYOND WISDOM HEART SUTRA

Avalokiteshvara Bodhisattva, when practicing deeply the Prajna Paramita, perceived that all five skandhas in their own being are empty and was saved from all suffering.

O Shariputra, form does not differ from emptiness; emptiness does not differ from form. That which is form is emptiness; that which is emptiness form. The same is true of feelings, perceptions, formations, consciousness.

O Shariputra, all dharmas are marked with emptiness. they do not appear nor disappear, are not tainted nor pure, do not increase nor decrease. Therefore in emptiness: no form, no feelings, no perceptions, no formations, no consciousness; no eyes, no ears, no nose, no tongue, no body, no mind; no color, no sound, no smell, no taste, no touch, no object of mind; no realm of eyes...until no realm of mind-consciousness; no ignorance and also no extinction of it...until no old-age and death and also no extinction of it; no suffering, no origination, no stopping, no path, no cognition, also no attainment with nothing to attain.

A bodhisattva depends on Prajna Paramita and the mind is no hindrance. Without any hindrance no fears exist. Far apart from every perverted view one dwells in nirvana. In the three worlds all buddhas depend on Prajna Paramita and attain unsurpassed complete perfect enlightenment. Therefore, know the Prajna Paramita is the great transcendent mantra, is the great bright mantra, is the utmost mantra, is the supreme mantra which is able to relieve all suffering and is true not false; so proclaim the Prajna Paramita mantra, proclaim the mantra that says:

Gate Gate Paragate Parasamgate Bodhi Svaha

-ooOoo-

Bản dịch Anh ngữ:

(Trúc Huy, truc_huy@yahoo.com , tháng 10-1999)

Heart of Perfect Wisdom

The Bodhisattva Avalokitesvara, from the deep course of Prajna wisdom, saw clearly that all five skandhas were empty and sundered all bonds of suffering.

Sariputra, know then: form does not differ from emptiness, nor does emptiness differ from form. Form is no other than emptiness, emptiness no other than form. The same is true of feelings, perceptions, impulses and consciousness.

Sariputra, all dharmas are marked with emptiness. None are born or die, nor are they defiled or immaculate, nor do they wax or wane. Therefore, where there is emptiness, there is no form, no feeling, no perception, no impulse, nor is there consciousness. No eye, ear, nose, tongue, body, or mind. No color, sound, smell, taste, touch, or object of mind. There is no domain of sight nor even domain of mind consciousness. There is no ignorance nor is there ceasing of ignorance. There is no withering, no death, nor is there ceasing of withering and death. There is no suffering, or cause of suffering, or cease in suffering, or path to lead from suffering. There is no cognition, nor even attainment.

So know that the Bodhisattva, indifferent to any kind of attainment whatsoever but dwelling in Prajna wisdom, is freed of any thought covering, get rid of the fear bred by it, has overcome what can upset and in the end reaches utmost Nirvana. All Buddhas of past and present, and Buddhas of future time, through faith in Prajna wisdom, come to full and perfect Enlightenment.

Therefore, one should know the Prajna paramita as the mantra of great knowledge, the miraculous, the utmost, the unequalled mantra, whose words relieve all suffering. This is highest wisdom, true beyond all doubt.

Know then and proclaim the Prajna paramita mantra. It spells like this:

Gate, gate, paragate, parasamgate, bodhi svaha!

(Gone, gone, gone beyond, gone altogether beyond, Bodhi, rejoice!)

(English translation: Trúc Huy)

-ooOoo-

Bản dịch Pháp ngữ:

(Trúc Huy, truc_huy@yahoo.com , tháng 10-1999)

Le Sutra de l'Esprit de la Grande Vertu de Sagesse

Lorsque le Bodhisattva Avalokitesvara accomplit profondément la grande Vertu de Sagesse, il considéra les cinq agrégats comme vides et traversa ainsi toutes les souffrances et afflictions.

Sariputra, les formes ne sont pas différentes du vide. Le vide n'est pas différent des formes. Les formes ne sont rien d'autre que le vide. Le vide n'est rien d'autre que les formes. Il en est de même des sensations, des perceptions, des formations mentales et de la conscience.

Sariputra, tous ces dharma ont l'aspect du vide. Ils ne naissent ni ne disparaissent. Ils ne sont ni souillés ni purs. Ils ne croissent ni ne décroissent. C'est pourquoi, dans le vide, il n'y a pas de forme, de sensation, de perception, de formation mentale ni de conscience. Il n'y a pas d'oeil, d'oreille, de nez, de langue, de corps ni de mental. Il n'y a pas de couleur, de son, d'odeur, de saveur, de toucher ni d'objet de pensée. Il n'y a pas de domaine du visuel et pour finir pas de domaine de la connaissance mentale. Il n'y a pas d'ignorance et pas plus de cessation de l'ignorance. Pour finir, il n'y a pas de vieillesse ni de mort, et pas plus de cessation de la vieillesse ni de la mort. Il n'y a pas de souffrance, d'origine, de cessation ni de chemin. Il n'y a pas de connaissance ni même d'obtention.

Comme il n'y a rien à obtenir, c'est pourquoi les Bodhisattva s'appuient sur la vertu de sagesse. Leur esprit ne conna? pas d'entrave, ainsi ils n'ont pas de peur. En se libérant des erreurs et des égarements, ils atteignent enfin l'ultime Nirvana. Tous les Bouddhas du passé, du présent et du futur, en s'appuyant sur la vertu de sagesse, ont obtenu le suprême et parfait Éveil.

Aussi professe-t-on la vertu de sagesse. Par un grand mantra miraculeux, par un mantra de grande connaissance, par un mantra insurpassable, par un mantra sans égal. Il supprime toute souffrance, en vérité et sans fausseté.

Voilà donc le mantra qui proclame la grande Vertu de Sagesse. Ce mantra dit:

Gate, gate, paragate, parasamgate, bodhi svaha!

(Allez, allez, allez au-delà, allez complètement au-delà, sur la rive du Satori!)

(Traduction francaise: Trúc Huy)

-ooOoo-

Bản Hán văn:

[Trở về trang Thư Mục]

last updated: 10-09-2002

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.